

I. Thông tin chung

Học phần: Ngân hàng thương mại	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71FINC30023	Mã nhóm lớp học phần: 231_DFB0271_01,02,03,04,05,06,07
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, cơ chế hoạt động và các loại hình sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.	Trắc nghiệm + Tự luận	40%	1-25	8	R,A
CLO2	Phân biệt các loại hồ sơ phù hợp khi thực hiện các nghiệp vụ giao dịch tại ngân hàng theo các chuẩn mực quốc tế và xu hướng công nghệ số.			1	2	R,A

I. Thông tin chung

Học phần: Ngân hàng thương mại	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71FINC30023	Mã nhóm lớp học phần: 231_DFB0271_01,02,03,04,05,06,07
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (8 điểm)

Câu 1: Trong các hoạt động sau đây, hoạt động nào ngân hàng thương mại không được phép kinh doanh?

- A. Kinh doanh bất động sản.
- B. Góp vốn mua cổ phần.
- C. Đầu tư chứng khoán.
- D. Không câu nào đúng

ANSWER: A

Câu 2: Ngân hàng thương mại huy động vốn không thường xuyên thông qua các hình thức nào sau đây?

- A. Phát hành giấy tờ có giá
- B. Tiền gửi không kỳ hạn
- C. Tiền gửi có kỳ hạn
- D. Tiền gửi tiết kiệm

ANSWER: A

Câu 3: Một doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sử dụng tài sản của mình là 1.000 thùng cà phê thành phẩm để đảm bảo cho khoản vay 5 tỷ đồng tại ngân hàng thương mại. Trường hợp này ngân hàng thương mại và doanh nghiệp sử dụng hình thức bảo đảm tín dụng nào?

- A. Cầm cố
- B. Thế chấp
- C. Bảo lãnh
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 4: Sắp xếp thứ tự các điều kiện ưu tiên để ngân hàng thương mại quyết định cấp tín dụng cho khách hàng?

A. Uy tín của khách hàng → Khả năng trả nợ → Tài sản đảm bảo

B. Uy tín của khách hàng → Tài sản đảm bảo → Khả năng trả nợ

C. Tài sản đảm bảo → Uy tín của khách hàng → Khả năng trả nợ

D. Khả năng trả nợ → Uy tín của khách hàng → Tài sản đảm bảo

ANSWER: A

Câu 5: Công ty Tiền Phong có tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHTM-Y. Các nghiệp vụ phát sinh trong tài khoản tiền gửi thanh toán tháng 5/2019 của công ty Tiền Phong như sau:

ĐVT: đồng

Ngày	Nghiệp vụ phát sinh	Số tiền
28/4/2019	Nhập lãi tiền gửi	2.500.000
01/5/2019	Thanh toán tiền nguyên vật liệu	500.000.000
07/5/2019	Nhận chuyển khoản	440.000.000
22/5/2019	Thanh toán tiền thuê nhà xưởng	60.000.000

Hãy tính lãi tiền gửi thanh toán tháng 5/2019 cho công ty Tiền Phong. Biết rằng:

- Số dư cuối ngày 27/4/2019 của công ty là 1.837.500.000 đồng.
- NHTM-Y tính lãi vào ngày 27 hàng tháng vào cuối giờ giao dịch với lãi suất không kỳ hạn là 2,5%/năm.
- Số ngày quy ước một năm là 365 ngày.

A. 3.464.383,56 đồng

B. 13.726.027,40 đồng

C. 457.534,25 đồng

D. 4.572.602,74 đồng

ANSWER: A

Câu 6: Ông B mua 80 trái phiếu do NHTM-X phát hành, mệnh giá 2.000.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 12/3/2017, ngày đáo hạn 12/3/2019, trái phiếu lĩnh lãi định kỳ 6 tháng một lần vào đầu mỗi kỳ, lãi suất NHTM-X trả cho mỗi tờ trái phiếu là 10,5%/năm. Hỏi khi đến

hạn của trái phiếu, ông B sẽ nhận được số tiền bao nhiêu từ NHTM-X? Biết rằng số ngày quy ước một năm là 365 ngày.

- A. 160.000.000 đồng
- B. 193.600.000 đồng
- C. 185.130.958,90 đồng
- D. 168.330.958,90 đồng

ANSWER: A

Câu 7: Phân tích tín dụng là ...?

- A. Xác định mục đích sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.
- B. Xác định nợ xấu của khách hàng.
- C. Xác định kết quả xếp hạng tín dụng của khách hàng.
- D. Xác định tư cách pháp lý của khách hàng.

ANSWER: A

Câu 8: Chiết khấu giấy tờ có giá tại các ngân hàng thương mại là:

- A. Hình thức ngân hàng thương mại cấp tín dụng cho khách hàng khi khách hàng là người thụ hưởng giấy tờ có giá chưa đến hạn thanh toán.
- B. Hình thức ngân hàng thương mại trả tiền cho người thụ hưởng khi chứng từ chưa đến hạn thanh toán.
- C. Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là giấy tờ có giá.
- D. Hình thức ngân hàng mua lại chứng từ khi chứng từ đến hạn thanh toán.

ANSWER: A

Câu 9: Đối với nghiệp vụ cho thuê tài chính không bao dịch vụ, khi xảy ra việc hư hỏng tài sản trong quá trình thuê là do bên nào chịu?

- A. Bên đi thuê chịu.
- B. Cấp tín dụng.
- C. Bên bán hàng chịu.
- D. Bên bảo hiểm chịu.

ANSWER: A

Câu 10: Sự khác biệt cơ bản giữa thẻ Visa và thẻ Master là gì?

- A. Không có gì khác biệt chỉ là 2 loại thẻ này thuộc 2 mạng lưới thanh toán khác nhau.
- B. Thẻ Visa là thẻ thanh toán quốc tế còn thẻ Master là thẻ thanh toán nội địa.

C. Thẻ Visa là thẻ ghi nợ trong khi thẻ Master là thẻ tín dụng.

D. Cả 3 câu đều đúng.

ANSWER: A

Câu 11: Ngân hàng thương mại Việt Nam thường được quản lý và giám sát bởi cơ quan nào?

A. Ngân hàng Nhà nước.

B. Chính phủ.

C. Bộ Tài chính.

D. Tổ chức Liên Hợp Quốc.

ANSWER: A

Câu 12: Luật Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 quy định về việc gì để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong hoạt động của các ngân hàng thương mại?

A. Quản lý thông tin

B. Quản lý tài chính

C. Quản lý rủi ro

D. Quản lý nhân sự

ANSWER: A

Câu 13: Theo quy định của Luật Tổ chức Tín dụng, phân loại nợ dựa trên tiêu chí nào sau đây?

A. Khả năng thanh toán của người vay

B. Số tiền hoàn trả

C. Thời hạn nợ

D. Mục đích sử dụng vốn

ANSWER: A

Câu 14: Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại cần thực hiện việc phân loại nợ như thế nào?

A. Thường xuyên và đồng nhất

B. Đơn giản và nhanh chóng

C. Một cách linh hoạt

D. Tùy thuộc vào quyết định của Ban lãnh đạo ngân hàng.

ANSWER: A

Câu 15: Với bảng đánh giá khả năng trả nợ cho dự án đầu tư của công ty A được thực hiện với dữ liệu như sau:

Năm	1	2	3	4	5
Khấu hao trả nợ					
Lợi nhuận trước thuế					
Thuế TNDN					
Lợi nhuận sau thuế					
Lập quỹ					
Lợi nhuận trả nợ					
Tổng nguồn trả nợ					
Hoàn trả nợ gốc					
Thừa (thiếu)					
Lũy kế					

Biết rằng:

- Khấu hao tài sản cố định được hình thành từ vốn vay là 360.000.000 đồng/năm.
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế tính trên tổng chi phí đầu tư của dự án: Năm 1 là 9%; năm 2-3 là 15% và năm 4-5 là 12%.
 - Hoàn trả nợ gốc : 545.230.000 đồng/năm
 - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
 - Tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận ròng là 25%, phần còn lại sử dụng để trả nợ ngân hàng
- Hãy cho biết số tiền thừa năm thứ 3 là bao nhiêu?

- A. \approx 355 triệu đồng
- B. \approx 540 triệu đồng
- C. \approx 360 triệu đồng
- D. \approx 247 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 16: Sản phẩm cho vay nào sau đây thuộc loại cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp tại ngân hàng?

- A. Cho vay vốn lưu động
- B. Cho vay đầu tư dự án
- C. Cho vay mua ô tô
- D. Cho vay hỗ trợ vốn đầu tư và cấu trúc tài chính

ANSWER: A

Câu 17: Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Công ty cho thuê tài chính được hiểu là?

- A.** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng
- B.** Tổ chức tài chính quy mô nhỏ
- C.** Ngân hàng
- D.** Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: A

Câu 18: Những nhân tố nào của bất động sản thế chấp ảnh hưởng đến giá trị của nó?

- A.** Khả năng chuyển nhượng
- B.** Số tiền cần vay của khách hàng
- C.** Mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng
- D.** Lãi suất vay

ANSWER: A

Câu 19: Một doanh nghiệp đang cần mua một chiếc xe tải vận chuyển hàng hóa và sử dụng chính chiếc xe tải làm tài sản đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng. Phương thức tín dụng nào sau đây là phù hợp nhất cho doanh nghiệp?

- A.** Cho thuê tài chính
- B.** Cho vay theo hạn mức tín dụng
- C.** Bảo lãnh
- D.** Cho vay thấu chi

ANSWER: A

Câu 20: Khi cho vay khách hàng vay cầm cố bằng hàng tồn kho, ngân hàng thương mại cho vay loại nào quản lý ít rủi ro hơn?

- A.** Cho vay từng lần
- B.** Cho vay thấu chi
- C.** Cho vay theo hạn mức tín dụng
- D.** Cho vay tuần hoàn

ANSWER: A

Câu 21: Ngày 11/02/2019, một khách hàng mở sổ tiết kiệm với số tiền gốc là 7 tỷ đồng tại ngân hàng AB; kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7,7%/năm – trả lãi cuối kỳ (Cơ sở tính lãi là 365 ngày/ năm). Xác định số tiền khách hàng nhận được khi sổ tiết kiệm đáo hạn vào ngày

11/02/2020 là bao nhiêu? Biết rằng ngày 12/10/2019 Ngân hàng thay đổi lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cuối kỳ là 7%/năm.

- A. 7.539.000.000 đồng
- B. 7.522.621.917,81 đồng
- C. 7.531.616.438,36 đồng
- D. Không có câu nào đúng

ANSWER: A

Câu 22: Quy định nào sau đây không phải là một phần của hệ thống quản lý rủi ro tín dụng theo Luật Tổ chức Tín dụng?

- A. Quy định về chính sách lãi suất.
- B. Quy định về đánh giá tín dụng.
- C. Quy định về phân loại nợ xấu.
- D. Quy định về xử lý nợ xấu.

ANSWER: A

Câu 23: Ngân hàng A cho khách hàng vay 5.250 triệu đồng, lãi suất vay 11,5%/năm, thời hạn 8 năm. Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng năm theo phương pháp kỳ khoản cố định. Hãy xác định số tiền gốc ngân hàng phải thu vào kỳ thứ 6 là bao nhiêu?

- A. $\approx 749,133$ triệu đồng
- B. $\approx 434,695$ triệu đồng
- C. $\approx 244,160$ triệu đồng
- D. Cả 3 câu đều sai

ANSWER: A

Câu 24: Ngày 04/01/2019, khách hàng A được cấp 1 khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng XYZ và giải ngân trong ngày với số tiền là 1 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng và phương thức thanh toán: lãi trả hàng tháng – gốc trả cuối kỳ. Ngày 04/01/2020 khách hàng A thanh toán hết tiền lãi phát sinh và chưa thanh toán số tiền gốc cho Ngân hàng. Đến ngày 31/03/2020 khách hàng A vẫn chưa trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Và khách hàng này chỉ có một món vay tại Ngân hàng XYZ. Theo quy định về phân loại các nhóm nợ, bạn hãy chọn nhóm nợ phù hợp dành cho khoản nợ của khách hàng A vào ngày 31/03/2020?

- A. Nhóm 2
- B. Nhóm 1

C. Nhóm 3

D. Nhóm 4

ANSWER: A

Câu 25: Phát biểu nào sau đây là không chính xác khi nói đến lợi ích của sản phẩm bao thanh toán đối với doanh nghiệp mua hàng?

- A. Không thể mua hàng thanh toán chậm trả
- B. Tăng cơ hội mua hàng thanh toán chậm trả
- C. Đơn giản hóa thủ tục thanh toán
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)

Khách hàng ABC là một doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc. Họ đã nộp hồ sơ vay vốn để mở rộng quy mô sản xuất và nâng cấp trang thiết bị. Hãy liệt kê và mô tả chi tiết các bước mà ngân hàng có thể thực hiện để xem xét đánh giá yêu cầu vay vốn của Khách hàng ABC.

Gợi ý trả lời: Mỗi ý 0,25 điểm

1. Thu thập thông tin: Nhân viên ngân hàng thu thập thông tin về Khách hàng ABC, bao gồm thông tin về lịch sử kinh doanh, cấu trúc tài chính, dự án mở rộng, và các hồ sơ liên quan.
2. Đánh giá năng lực tín dụng: Dựa trên thông tin thu thập, ngân hàng đánh giá năng lực tín dụng của Khách hàng ABC. Điều này bao gồm việc xem xét lịch sử thanh toán, khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh hiện tại, và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai.
3. Xác minh thông tin: Ngân hàng xác minh thông tin được cung cấp bởi Khách hàng ABC bằng cách kiểm tra các tài liệu hồ sơ, báo cáo tài chính, và thậm chí liên hệ với các đối tác thương mại hoặc khách hàng hiện tại.
4. Đánh giá rủi ro: Dựa trên thông tin và đánh giá năng lực tín dụng, ngân hàng đánh giá rủi ro của việc cấp tín dụng cho Khách hàng ABC. Điều này bao gồm việc xác định các yếu tố rủi ro tiềm ẩn như biến động thị trường, rủi ro trong lĩnh vực sản xuất, và khả năng thanh toán của Khách hàng ABC trong tương lai.
5. Quyết định cấp tín dụng: Dựa trên kết quả của quá trình thẩm định, ngân hàng đưa ra quyết định về việc cấp tín dụng cho Khách hàng ABC. Quyết định này có thể là phê duyệt với điều kiện hoặc từ chối, tùy thuộc vào kết quả của đánh giá rủi ro.
6. Lập hợp đồng và điều kiện: Nếu quyết định là phê duyệt, ngân hàng lập hợp đồng vay vốn và thiết lập các điều kiện cụ thể về việc vay vốn, lãi suất, thời hạn và các điều khoản khác.

7. Theo dõi và đánh giá: Sau khi vay vốn được cấp, ngân hàng tiếp tục theo dõi và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng vốn bởi Khách hàng ABC và khả năng thanh toán của họ theo hợp đồng.
8. Thanh lý hợp đồng tín dụng và lưu trữ hồ sơ sau khi Khách hàng ABC tất toán toàn bộ nợ vay và lãi, phí phát sinh.

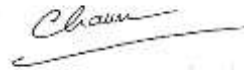
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2024.

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



TS. Mai Thị Phương Thùy

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Châu